

Số: 41/2019/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 29 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của cơ quan, tổ chức và diện tích công trình sự nghiệp của cơ sở hoạt động sự nghiệp

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 742/TTr-STC ngày 07/10/2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành tiêu chuẩn định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của cơ quan, tổ chức; tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập theo khoản 2 Điều 7 và khoản 2, khoản 3 Điều 9, Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ như sau:

1. Tiêu chuẩn định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của cơ quan, tổ chức.

(Có phụ lục kèm theo)

Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê, bố trí sử dụng căn cứ nhu cầu sử dụng, khả năng cân đối nguồn kinh phí của ngân sách nhà nước để quyết định cho phù hợp (*không cao hơn diện tích quy định tại quyết định này*), đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

2. Phân cấp thẩm quyền quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập:

- Căn cứ quy định, hướng dẫn của Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và xã hội; UBND tỉnh ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

- Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp khác (*ngoài lĩnh vực Y tế, Giáo dục và đào tạo*).

Điều 2. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập

1. Sở Tài chính:

- Thẩm định, trình cấp có thẩm quyền quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 2, Điều 1 Quyết định này.

- Hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Sở Xây dựng: Tham gia ý kiến về diện tích chuyên dùng, diện tích công trình sự nghiệp công lập đối với các đơn vị được đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2019.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận

- TT Tỉnh ủy (B/c);
- TT HĐND tỉnh (B/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH, Hà 100 bản.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Quốc Khánh

Hoàng Quốc Khánh



PHỤ LỤC
TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG
(Kèm theo Quyết định số: 41/2019/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 của UBND tỉnh)

| STT | Loại diện tích | Diện tích tối đa (m ²) | | |
|-----|---|------------------------------------|-----------|--------|
| | | Cấp tỉnh | Cấp huyện | Cấp xã |
| 1 | Diện tích sử dụng phục vụ hành chính | | | |
| 1.1 | Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh | 1.100 | | |
| 1.2 | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | | 80 | |
| 1.3 | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã | | | 40 |
| 2 | Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp dân | 48 | 48 | 36 |
| 3 | Diện tích sử dụng cho quản trị, giám sát, điều hành hệ thống công nghệ thông tin | 48 | 48 | 36 |
| 4 | Hội trường lớn, hội nghị (từ 100 chỗ ngồi trở lên) (m ² /chỗ) | | | |
| 4.1 | Hội trường chỉ có ghế tựa | 1,2 | 1,2 | 1,2 |
| 4.2 | Hội trường, hội nghị có trang bị bàn viết | 2 | 2 | 2 |
| 5 | Diện tích kho chuyên ngành | | | |
| 5.1 | Ngành nông nghiệp (Kho bảo quản vắc xin, kho để tang vật, ...) | 300 | 100 | |
| 5.2 | Ngành giao thông vận tải (Quản lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, ...) | 350 | 100 | |
| 5.3 | Kho bảo quản chứng từ có giá, hồ sơ dự án | 150 | 200 | 100 |
| 6 | Diện tích khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, tổ chức | | | |
| | Diện tích phòng trực trực tuyến phòng chống thiên tai | 100 | 100 | 50 |

Ghi chú:

- Đối với diện tích sử dụng cho hội trường lớn được tính trên quy mô chỗ ngồi theo thiết kế, diện tích này không bao gồm diện tích sân khấu.

- Diện tích sử dụng cho quản trị hệ thống công nghệ thông tin: Bao gồm cả phòng máy chủ, phòng điều hành. Riêng đối với diện tích quản trị, giám sát, điều hành hệ thống công nghệ thông tin thuộc Sở Thông tin và Truyền thông là 150 m².

- Diện tích kho chuyên ngành Nông nghiệp, Giao thông vận tải là diện tích/1 cơ quan, tổ chức trực thuộc ngành.

